

|    |                          |  |
|----|--------------------------|--|
| 1  | thuyền                   |  |
| 2  | tàu hỏa                  |  |
| 3  | ô tô, xe hơi             |  |
| 4  | xe hẩy, xe trượt         |  |
| 5  | xe buýt                  |  |
| 6  | xe đạp                   |  |
| 7  | lái, cưỡi                |  |
| 8  | đi xe trượt              |  |
| 9  | chèo                     |  |
| 10 | chèo thuyền              |  |
| 11 | lái xe                   |  |
| 12 | lái xe ô tô              |  |
| 13 | ai đang lái xe ô tô?     |  |
| 14 | Tôi đang lái thuyền.     |  |
| 15 | việc lái máy bay         |  |
| 16 | món quà, trình bày       |  |
| 17 | hình tam giác            |  |
| 18 | hình vuông, quảng trường |  |
| 19 | hình tròn                |  |
| 20 | Đây là hình gì?          |  |
| 21 | Đó là một hình tam giác. |  |
| 22 | Có một quán cà phê.      |  |
| 23 | hỏi, yêu cầu             |  |
| 24 | đi ra ngoài              |  |

|    |                                   |  |
|----|-----------------------------------|--|
| 25 | đi đến quán cà phê                |  |
| 26 | rất nhiều                         |  |
| 27 | hạ cánh máy bay của bạn           |  |
| 28 | leo, trèo                         |  |
| 29 | trèo cây                          |  |
| 30 | đây là lượt của ai?               |  |
| 31 | nhìn chúng tôi                    |  |
| 32 | hãy đến và tham gia               |  |
| 33 | mọi người                         |  |
| 34 | Tôi đang bay tới các vì sao.      |  |
| 35 | những ngôi sao                    |  |
| 36 | đẩy                               |  |
| 37 | Tất cả lên tàu, tàu sắp khởi hành |  |
| 38 | trên biển                         |  |
| 39 | việc rửa tay của tôi              |  |
| 40 | việc đánh răng của tôi            |  |
| 41 | siêu đẳng                         |  |
| 42 | Nó thật tuyệt                     |  |
| 43 | ở hội chợ                         |  |
| 44 | Chúng tôi đang vui vẻ ở hội chợ.  |  |
| 45 | Anh ấy nói gì?                    |  |